

# NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THÔNG TIN THỐNG KÊ THUỘC HỆ THỐNG TÀI KHOẢN QUỐC GIA

Nguyễn Văn Nông<sup>(\*)</sup>

**B**ước vào thời kỳ đổi mới và mở cửa hội nhập, từ năm 1989 -1992 ngành Thống kê Việt Nam đã tiến hành nghiên cứu và vận dụng SNA vào Việt Nam. Ngày 25/12/1992 Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 183/TTg về việc áp dụng chính thức hệ thống Tài khoản Quốc gia (NSA) của Liên hợp quốc vào Việt Nam thay cho Hệ thống bảng cân đối KTQD (MPS).

Chính vì vậy việc áp dụng tính toán các chỉ tiêu và lập các khoản thuộc hệ thống Tài khoản quốc gia có độ tin cậy và tính chính xác cao, phù hợp với phương pháp luận quốc tế và điều kiện kinh tế Việt Nam, đáp ứng kịp thời nhu cầu của các đối tượng sử dụng như các cơ quan Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; các Bộ, Ngành; các cơ quan nghiên cứu, các nhà đầu tư cũng như các cơ quan và tổ chức quốc tế.

Thực hiện chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Tổng cục Thống kê đã xây dựng và áp dụng Hệ thống Tài khoản quốc gia thường xuyên hàng năm trên phạm vi cả nước đồng thời ban hành chế độ báo cáo thống kê Tài khoản Quốc gia áp dụng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Từ đó đến nay, công tác thống kê Tài khoản quốc gia, từng bước hoàn thiện và phát triển phù hợp với quá trình đổi mới của đất nước.

**Các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp chủ yếu theo SNA:**

**1. Các chỉ tiêu Giá trị sản xuất, Chi phí trung gian, Giá trị tăng thêm.** Ba chỉ

tiêu trên luôn được coi là quan trọng vì nó là nguồn thông tin tổng hợp cơ bản để đánh giá kết quả sản xuất tổng hợp và kết quả sản xuất mới tăng thêm của nền kinh tế trong thời kỳ sản xuất nhất định.

**2. Chỉ tiêu Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)** đã được tính đồng thời theo 3 phương pháp nhưng trong đó phương pháp sản xuất, phương pháp sử dụng cuối cùng được áp dụng chủ yếu trên phạm vi cả nước và phương pháp sản xuất được áp dụng cho từng tỉnh, thành phố. Chỉ tiêu GDP luôn được các ngành, các cấp quan tâm theo dõi, đặc biệt là từ năm 1999 đến nay đã tính GDP theo quý phục vụ kịp thời cho Chính phủ và các cấp, các ngành trong điều hành chỉ đạo sản xuất đảm bảo mục tiêu tăng trưởng. Vì vậy ngành Thống kê đã tập trung nhiều công sức, nhằm thu thập thông tin theo chế độ báo cáo thống kê, kế toán định kỳ thông tin từ các Bộ, Ngành; thông tin từ các cuộc điều tra để tính toán hàng năm, quý, 6 tháng.

Chỉ tiêu GDP được tính theo 2 loại giá: theo giá hiện hành để xác định kết quả sản xuất đạt được và nghiên cứu phản ánh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế; và tính theo giá so sánh nhằm loại trừ biến động của yếu tố về giá để phản ánh tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm.

Tuy nhiên, Chỉ tiêu GDP theo quý chưa tính được theo phương pháp sử dụng cuối cùng, chưa điều chỉnh theo mùa vụ, cũng chưa tính theo thành phần, loại hình kinh tế và cho các tỉnh, thành phố.

<sup>(\*)</sup> Chuyên viên cao cấp - Phó Vụ trưởng Vụ Hệ thống Tài khoản Quốc gia

### **3. Các chỉ tiêu phản ánh quá trình sử dụng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) cho các nhu cầu như:**

- Tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình và của Nhà nước theo nhóm hàng và mục đích sử dụng của toàn nền kinh tế.

- Tích lũy tài sản: Phân ra tài sản cố định, tài sản lưu động. Chỉ tiêu này chưa chi tiết theo mục đích tích lũy và theo loại tài sản, theo thành phần kinh tế, ngành kinh tế.

- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ từ nước ngoài. Chỉ tiêu này chưa chi tiết theo nhóm hàng, theo ngành kinh tế, thành phần kinh tế.

Các chỉ tiêu trên đã được tính theo giá hiện hành và giá so sánh trên phạm vi cả nước. Đại bộ phận các tỉnh, thành phố cũng đã tính chỉ tiêu trên song do hạn chế về nguồn thông tin nên mức độ chính xác, đầy đủ chưa cao.

### **4. Các chỉ tiêu phản ánh quá trình phân phối, phân phối lại Tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Các chỉ tiêu đó bao gồm:**

- Tổng thu nhập quốc gia (GNI)
- Thu nhập quốc gia (NI)
- Thu nhập quốc gia khả dụng (NDI)
- Thu nhập và chi trả lợi tức sở hữu về các yếu tố sản xuất
- Chuyển nhượng hiện hành
- Chuyển nhượng vốn
- Để dành...

Các chỉ tiêu trên tính cho phạm vi cả nước và theo khu vực thể chế: Nhà nước, Tài chính, phi tài chính, hộ gia đình và tổ chức không vì lợi; chưa tính theo quý, 6 tháng, 9 tháng, chưa tính theo loại hình và các thành phần kinh tế và cũng không tính cho tỉnh/ thành phố, vùng, lãnh thổ.

Trên cơ sở tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, ngành Thống kê hơn 10 năm qua đã biên soạn được các tài khoản sau:

*a, Tài khoản sản xuất:* phản ánh kết quả sản xuất và sử dụng kết quả sản xuất đó. Tài khoản này đã lập trên phạm vi cả nước, những năm gần đây đã lập cho từng khu vực thể chế. Tài khoản này chưa lập theo ngành kinh tế và theo quý, 6 tháng, 9 tháng, cũng chưa lập cho các tỉnh và thành phố.

*b, Tài khoản thu nhập và chi tiêu:* Phản ánh nguồn thu nhập và sử dụng thu nhập cho toàn bộ nền kinh tế và cho từng khu vực thể chế. Trong nhiều năm qua, ngành thống kê đã tập trung thu thập thông tin chi tiết phản ánh tình hình thu thập và chi trả về tiền công lao động và làm thuê, lợi tức tiền vay và đầu tư vào kinh doanh sản xuất, cho thuê tài nguyên... với nước ngoài. Đồng thời thu thập thông tin phản ánh quá trình phân phối lại thu nhập giữa các đơn vị thể chế trong nước và với nước ngoài thông qua hình thức chuyển nhượng hiện hành theo nguyên tắc tự nguyện và bắt buộc. Quá trình trên rất phức tạp nhưng chúng ta đã thực hiện tương đối tốt tài khoản này. Tài khoản này chưa lập theo ngành kinh tế và theo quý, 6 tháng, 9 tháng, cũng không lập cho các tỉnh và thành phố.

*c, Tài khoản vốn tài chính:* Tài khoản này gồm 2 phần:

Phần A: Tài khoản vốn - Tài sản: Phản ánh quá trình hình thành nguồn vốn cho tích lũy và sử dụng nguồn vốn đó cho mua sắm, xây dựng mới để tăng tài sản. Trong nhiều năm qua chúng ta lập được Phần A này cho toàn bộ nền kinh tế, chưa lập cho từng khu vực thể chế.

Phần B: Tài khoản vốn - Tài chính: Phản ánh sự hình thành và vận động của nguồn vốn về mặt tài chính như đi vay, cho vay, trả nợ trong nước và nước ngoài dưới nhiều hình thức (đi vay, cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, vay tiết kiệm, bán và trả nợ công trái, tín phiếu, trái phiếu). Những năm qua do hạn chế nguồn thông tin cho nên chúng ta chưa lập được phần B của tài khoản này.

**4. Từ năm 1992 đến nay**, ngành Thống kê hàng năm đều lập tài khoản quan hệ kinh tế với nước ngoài. Tài khoản này có nội dung tương tự như bảng "Cán cân thanh toán quốc tế" do Ngân hàng nhà nước lập. Vì vậy, ngành Thống kê đã căn cứ vào thông tin chủ yếu từ bảng cán cân thanh toán quốc tế để biên soạn Tài khoản quan hệ kinh tế với nước ngoài bằng nội tệ cho phạm vi cả nước.

Tài khoản này mới lập được cho cả năm ở phạm vi toàn quốc.

**5. Bảng cân đối liên ngành hay còn gọi là bảng Vào - Ra (I/O)**, trong lịch sử thống kê Việt Nam đã có những năm lập bảng Vào - Ra như: năm 1980 đã lập bảng cân đối liên ngành kinh tế quốc dân cho 24 ngành sản phẩm theo mô hình MPS. Năm 1989 lập bảng Vào - Ra cho 54 ngành sản phẩm, năm 1996 lập cho 97 ngành sản phẩm, năm 2001 cho 112 ngành sản phẩm theo mô hình của SNA. Lập bảng Vào - Ra đòi hỏi một khối lượng thông tin chi tiết, trình độ kỹ thuật về thống kê và tin học cao. Chúng ta đã thành công trong công tác này, được các cơ quan, các nhà kinh tế trong nước và thế giới đánh giá cao. Bảng Vào - Ra được sử dụng trong công tác phân tích hoạch định chính sách và dự báo kinh tế trong tương lai. Bảng I/O được biên soạn năm 2000 là cơ sở để so sánh cho thời kỳ sau.

Tuy nhiên bảng cân đối liên ngành của Việt Nam mới đạt được mức tối đa 112 ngành sản phẩm và mới lập 5 năm một lần, chưa cập nhật hàng năm, chưa chính thức theo vùng, lãnh thổ.

**6. Xây dựng hệ thống số liệu tài khoản quốc gia** phản ánh theo tiêu chí kinh tế Việt Nam trong những năm đổi mới trong đó nhiều chỉ tiêu, tài khoản được hệ thống hoá nhiều năm và đã xuất bản như :

GDP và tài khoản sản xuất, Tổng thu nhập quốc gia (GNI), thu nhập quốc gia (NI), thu nhập quốc gia khả dụng (NDI), để dành gộp (S), để dành thuần (net saving), tổng thu nhập, thu nhập cuối cùng, để dành theo khu vực thể chế nhà nước, phi tài chính, tài chính, hộ gia đình, tài khoản thu nhập và phân phối thu nhập, tiêu dùng cuối cùng, tích lũy tài sản tổng số cho vay và đi vay của nền kinh tế..., GDP bình quân đầu người theo USD và theo tiền Việt Nam; Một số chỉ tiêu phản ánh quan hệ kinh tế với nước ngoài, xuất nhập khẩu so với GDP của Việt Nam và các nước trong khu vực, chỉ số tăng trưởng GDP và tỷ lệ khu vực I và khu vực II trong GDP của Việt Nam và của các nước ASEAN. Bảng I/O theo giá sử dụng cuối cùng, theo giá của người sản xuất và theo giá cơ bản theo ngành sản phẩm, bảng hệ số chi phí toàn phần. GDP của các vùng phân theo 3 khu vực kinh tế, theo giá hiện hành và giá so sánh; GDP bình quân đầu người của các vùng, các tỉnh tính bằng USD theo tỷ giá sức mua tương đương và tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố...

Bên cạnh những hệ thống số liệu và những tài khoản chính của hệ thống Tài khoản Quốc gia đã đạt được thì việc biên soạn phân tích thống kê tình hình kinh tế xã hội dựa trên số liệu Tài khoản quốc gia còn có những hạn chế. Một trong những hạn chế lớn nhất là chất lượng báo cáo và phân tích

thống kê tuy đã được nâng lên nhưng nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu của các đối tượng sử dụng. Trước hết, yêu cầu của lãnh đạo các cấp, các ngành; phần lớn văn của báo cáo phân tích còn đơn giản, mang tính chất thuyết minh số liệu hơn là sử dụng tổng hợp các phương pháp phân tích thống kê. Những phương pháp phổ biến thường được dùng nhiều là so sánh cùng kỳ năm trước, so với kế hoạch, ít áp dụng phương pháp phân tích các nhân tố; việc đánh giá tình hình còn dàn trải, mang tính điểm tình hình các mặt chủ yếu; việc phân tích nguyên nhân còn sơ sài, thiếu cụ thể; phần kiến nghị còn chung chung, chưa thiết thực, không cụ thể, cũng do đánh giá tình hình chưa sâu sắc, phân tích nguyên nhân chưa cụ thể.

Chúng ta đã đóng góp vào việc chuyển đổi nội dung và phương pháp hạch toán, đã hình thành hệ thống phương pháp luận tính các chỉ tiêu thuộc SNA, đã qui định nguồn thông tin, phương pháp xử lý, truyền đưa thông tin, tổng hợp và phân tích kinh tế trên phạm vi cả nước và từng tỉnh, thành phố.

Đây là một thành công lớn mang tính khả thi và phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế của Việt Nam; đồng thời đã hoà nhập công tác thống kê Việt Nam với thống kê các nước trên thế giới và trong khu vực.

Tuy nhiên, nguồn thông tin để tính toán và lập các chỉ tiêu thuộc hệ thống tài khoản quốc gia theo qui, năm chưa đảm bảo, còn nhiều bất cập về phạm vi, tính đồng bộ và thống nhất:

Thông tin dùng để tính toán và lập các chỉ tiêu tài khoản quốc gia được lấy từ 3 nguồn: qua chế độ báo cáo định kỳ, qua thu thập từ hồ sơ hành chính, từ các Bộ, Ban, Ngành và các cơ quan quản lý Nhà nước Đảng, Đoàn thể, thông tin qua điều tra... Thông tin của khu vực Nhà nước, khu vực có

vốn đầu tư nước ngoài thu thập qua chế độ báo cáo kế toán và thống kê; thông tin tổng hợp từ các Bộ, Ngành... qua báo cáo từ hồ sơ hành chính; khu vực tư nhân, cá thể, hộ gia đình (gọi tắt là khu vực ngoài Nhà nước) thông qua điều tra. Trong xu thế kinh tế thị trường hiện nay về số lượng đơn vị, qui mô, cơ cấu và tỷ trọng sản xuất của khu vực kinh tế ngoài nhà nước ngày càng tăng đặt ra vấn đề bức xúc và khó khăn trong việc thu thập thông tin đầy đủ và kịp thời cho yêu cầu tính các chỉ tiêu thống kê theo qui và năm của các vụ thống kê chuyên ngành cũng như của vụ Hệ thống Tài khoản Quốc gia. Ví dụ: thông tin của khu vực ngoài nhà nước chủ yếu dựa vào điều tra mẫu, nhưng lại chưa được thống kê, cập nhật danh mục các đơn vị sản xuất kinh doanh, các đơn vị hoạt động sự nghiệp một cách thường xuyên, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất hàng quý và năm để làm cơ sở xác định tổng thể chung và lập dàn chọn mẫu. Hiện nay mới chỉ dựa vào điều tra doanh nghiệp và một phần từ tài liệu của Tổng cục Thuế để cập nhật các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Còn các loại hình hoạt động khác chưa cập nhật. Điều này ảnh hưởng đến kết quả điều tra và suy rộng cho toàn bộ tổng thể. Nhưng thông tin để phân định những chỉ tiêu giá trị của khu vực quốc doanh, ngoài quốc doanh, theo loại hình kinh tế thường không đầy đủ và đồng bộ. Các chế độ báo cáo thống kê, kế toán chấp hành chưa nghiêm, thường báo cáo không đầy đủ cả số đơn vị và nội dung chỉ tiêu theo chế độ. Thông tin qua các báo cáo tổng hợp từ hồ sơ hành chính của các Bộ, Ngành như từ báo cáo thu chi ngân sách Nhà nước, về thuế, hải quan, cán cân thanh toán quốc tế, thu nhập, tiền lương và lao động thường quá tổng hợp, không chi tiết theo yêu cầu lập chỉ tiêu TKQG, và rất chậm về mặt thời gian so với kỳ báo cáo. Thường

đến kỳ báo cáo, nhất là báo cáo theo quý, chủ yếu phải dựa vào báo cáo ước tính của các Bộ, Ngành này để tính.

- Các thông tin tổng hợp, các hệ số làm cơ sở tính chi phí trung gian cho các ngành, các loại hình kinh tế chưa được chi tiết hoá và không được điều tra cập nhật thường xuyên cho phù hợp với sự biến đổi nhanh chóng của qui trình công nghệ, kỹ nghệ sản xuất, chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm của các ngành khác nhau. Chất lượng các chỉ tiêu tính toán phụ thuộc nhiều vào mức độ chi tiết và tính kịp thời của biến động kinh tế của thông tin đầu vào, không thể dùng tỷ lệ trung gian này để tính cho ngành khác, chẳng hạn dùng tỷ lệ chi phí trung gian của ngành khai thác dầu để tính cho ngành khai thác than hay khai thác đá sỏi, mặt khác cũng không nên dùng tỷ lệ chi phí trung gian của kết quả điều tra cho những năm quá xa trước đây để tính cho những năm hiện nay.

- Một số ngành hoạt động của khu vực dịch vụ, chế độ thông tin chưa được quan tâm đúng mức, chế độ báo cáo chưa được xây dựng đầy đủ, chế độ điều tra chưa được thực hiện thường xuyên theo định kỳ nhất là đối với loại hình ngoài doanh nghiệp...

- Hiện tại hệ thống chỉ số giá chưa đầy đủ và chưa đáp ứng yêu cầu tính của hệ thống TKQG:

+ Đối với các ngành: Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Công nghiệp: dựa vào bảng giá cố định năm 1994 để tính đã bộc lộ nhiều bất cập như đã trình bày ở phần trên.

+ Đối với các ngành còn lại chủ yếu dựa vào chỉ số giá tiêu dùng (CPI) để tính. Nhưng chỉ số giá tiêu dùng về cơ bản vẫn dựa vào quyền số quá cũ (năm 1994) chưa được thay đổi kịp thời với xu hướng chuyển

dịch cơ cấu và phát triển của các ngành trong kinh tế thị trường hiện nay; chưa được chi tiết hoá để tương thích với các loại hoạt động, các nhóm ngành thích hợp. Nhiều ngành dịch vụ như: Quản lý nhà nước, An ninh Quốc phòng, Kinh doanh Bất động sản, Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm... dùng chỉ số CPI để tính chuyển từ giá hiện hành về giá so sánh là không thích hợp. Đặc biệt việc áp dụng bảng giá cố định năm 1994 và chỉ số giá CPI để tính chuyển các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp của các tỉnh, thành phố về giá so sánh còn nhiều bất cập, chưa tương thích và chưa hợp lý.

Sự phối hợp cung cấp thông tin giữa Tổng cục Thống kê với các Bộ, Ngành như: Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội... chưa chặt chẽ, đồng bộ, thiếu sự thống nhất cao. Một trong những điều kiện tiên quyết làm cơ sở cho việc phối hợp và cung cấp thông tin có căn cứ pháp lý và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, kịp thời đó là Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Tuy nhiên cho đến nay, Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia cũng chưa được Chính phủ ban hành làm cho việc phối hợp cung cấp thông tin, xây dựng chế độ báo cáo cũng như chế độ trao đổi và cung cấp giữa thông tin giữa TCTK với các Bộ, ngành đang gặp nhiều khó khăn ngay cả đối với những thông tin trước đây đã ban hành theo chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm. Nhiều thông tin thu thập được nhờ mối quan hệ truyền thống giữa các đơn vị hoặc quan hệ cá nhân trong công việc, chưa thành qui định mang tính pháp qui. Điều này cũng ảnh hưởng đến tính vững chắc, tính đồng bộ và độ tin cậy của chỉ tiêu thuộc Hệ thống TKQG ■